

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 42/2018/HS-ST

Ngày: 28 - 6 - 2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Ông Tạ Văn Nhật

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phụng Khả - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2018/TL-HSST ngày 04 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo.

1. Lê Văn T, sinh năm 1972 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 10, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Trần Thị S (đã chết); có vợ và có 03 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 112 ngày 01/4/2018 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/3/2018 đến ngày 06/4/2018, bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Lê Văn H, sinh năm 1988 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 10, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1964 và bà Hoàng Thị N (đã chết); có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 113 ngày 01/4/2018 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/3/2018 đến ngày 06/4/2018, bị cáo tại ngoại có mặt.

3. Đào Văn L, sinh năm 1981 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 11, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn V, sinh năm 1953 và bà Lê Thị K, sinh năm 1954; có vợ và có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 108 ngày 01/4/2018 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/3/2018 đến ngày 06/4/2018, bị cáo tại ngoại vắng mặt.

4. Trần Đình Q, sinh năm 1981 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 7, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1952 và bà Trần Thị V, sinh năm 1954; có vợ và có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 110 ngày 01/4/2018 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/3/2018 đến ngày 06/4/2018, bị cáo tại ngoại có mặt.

5. Lê Anh T1, sinh năm 1979 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1954 và bà Lê Thị M, sinh năm 1956; có vợ và có 02 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 111 ngày 01/4/2018 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/3/2018 đến ngày 06/4/2018, bị cáo tại ngoại có mặt.

6. Hoàng Văn L, sinh năm 1989 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 11, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1957 và bà Trần Thị N, sinh năm 1960, có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 109 ngày 01/4/2018 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/3/2018 đến ngày 06/4/2018, bị cáo tại ngoại có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30' ngày 31/3/2018 Lê Văn T sinh năm 1972 trú tại Cụm 10; Hoàng Văn L sinh năm 1989 trú tại Cụm 11; Trần Đình Q sinh năm 1981 trú tại Cụm 7; Lê Văn H sinh năm 1988 trú tại Cụm 10 cùng xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau dưới hình thức đánh Sâm tại nhà T, H là người đi mua 02 bộ bài T1 lơ khơ loại 52 Q bài. Sau đó 4 đối tượng trên ngồi đánh bạc tại gian giữa nhà T và quy ước cách chơi như sau: cứ 10.000đồng/1 Q bài, nếu bài của ai được Sâm hoặc một màu thì bằng Sâm và mỗi người còn lại phải bỏ ra 400.000 đồng để trả cho người được Sâm,

ai bị cháy thì phải trả người thắng 300.000 đồng, các đối tượng tự thống nhất ai được Sâm thì bỏ ra 10.000 đồng cho T. Trước khi chơi: T có 2.200.000 đồng; L có 500.000 đồng; Q có 12.000.000 đồng nhưng chỉ bỏ ra 500.000 đồng để đánh bạc; H có 3.000.000 đồng. T, H, Q và L đánh được 1 lúc thì Đào Văn L sinh năm 1981 trú tại Cụm 11, xã T đến xin chơi cùng thì được mọi người đồng ý, khi đi L mang theo 3.100.000 đồng để đánh bạc, đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì T gọi điện cho Lê Anh T1 sinh năm 1979 trú tại Cụm 9, xã T đến để đánh bạc nên T không chơi nữa nhường chỗ cho T1. Khi T1 đến mang theo 4.700.000 đồng bỏ ra 500.000 đồng để đánh bạc, còn 4.200.000 đồng để trong người, T1 cùng với H, Q, L, L đánh bạc đến 17 giờ 30' cùng ngày thì bị Đội xây dựng phong trào và phụ trách xã về an ninh trật tự Công an huyện Đ bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm có: 02 bộ bài T1 lơ khơ, mỗi bộ 52 Q; thu trên chiếu 5.600.000 đồng; thu trong người H 2.000.000 đồng; thu trong người Q 11.500.000 đồng; thu trong người T1 4.200.000 đồng; thu trên bàn thờ nhà T 2.200.000 đồng. Quá trình điều tra Q khai số tiền 11.500.000 đồng Công an thu của Q là tiền thanh toán viện phí cho con Q đang nằm viện, T1 khai số tiền 4.200.000 đồng Công an thu của T1 là tiền đóng học cho con. Ngày 29/5/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho Lê Anh T1 số tiền 4.200.000 đồng và trả lại cho Trần Đình Q số tiền 11.500.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 46/CT-VKS - ĐP ngày 31 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H, Đào Văn L, Hoàng Văn L, Trần Đình Q, Lê Anh T1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H, Hoàng Văn L, Trần Đình Q, Lê Anh T1 khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Đào Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt, quá trình điều tra khai nhận hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng truy tố các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H, Đào Văn L, Hoàng Văn L, Trần Đình Q, Lê Anh T1 về tội “Đánh bạc” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, bị cáo H và bị cáo L; áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Q, bị cáo L và bị cáo T1. Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng, phạt Lê Văn H và Đào Văn L mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; phạt Trần Đình Q từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt Hoàng Văn L và Lê Anh T1 mỗi bị cáo từ 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Q, bị cáo L và bị cáo T1. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài T1 lơ khơ, mỗi bộ 52 Q, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 9.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án xảy ra trên địa bàn huyện Đ, Thành phố Hà Nội nên việc khởi tố, truy tố và xét xử được các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ, Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành, nội dung các quyết định tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H, Hoàng Văn L, Trần Đình Q, Lê Anh T1 khai nhận hành vi của mình phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 16 giờ 30' ngày 31/3/2018 tại nhà Lê Văn T ở Cụm 10, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, Lê Văn T, Lê Văn H, Đào Văn L, Trần Đình Q, Hoàng Văn L và Lê Anh T1 cùng rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh Sâm. Đến 17 giờ 30' cùng ngày khi các đối tượng trên đang đánh bạc thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang thu giữ giữ toàn bộ vật chứng gồm 02 bộ bài mỗi bộ 52 cây và số tiền chứng minh được các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 9.800.000 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H, Đào Văn L, Trần Đình Q, Hoàng Văn L và Lê Anh T1 đã phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo theo tội danh và viện dẫn điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H, Đào Văn L có hành vi đánh bạc với số tiền cao hơn Trần Đình Q, Hoàng Văn L và Lê Anh T1. T đánh bạc với số tiền 2.200.000 đồng, số tiền đánh bạc của T ít hơn H và L, nhưng T có hai hành vi, hành vi đánh bạc và cho các đối tượng đánh bạc tại nhà nên T đứng vai trò đầu vụ và phải chịu mức hình phạt cao hơn. H và L đánh bạc với số tiền tương đương nhau, H đem 3.000.000 đồng và trực tiếp mua hai bộ T1 lơ khơ, L đem 3.100.000 đồng dùng để đánh bạc nên mức độ vai trò của H và L ngang nhau và thấp hơn T. Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, xét hỏi và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có địa chỉ cư trú rõ ràng; bản thân là người lao động nhất thời phạm tội nên Hội đồng xét xử có thể phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Đối với Trần Đình Q, Hoàng Văn L và Lê Anh T1 tham gia đánh bạc với số tiền 500.000 đồng. Các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền không lớn, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo tương đương nhau nên các bị cáo chịu hình phạt tương đương nhau. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, xét hỏi và tại phiên tòa các bị

cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có địa chỉ cư trú rõ ràng; bản thân là người lao động nhất thời phạm tội nên Hội đồng xét xử phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, phạm tội lần đầu, số tiền đánh bạc không lớn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự và không khấu trừ thu nhập đối với Trần Đình Q, Hoàng Văn L và Lê Anh T1 theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Số tiền 11.500.000 đồng thu của Q, quá trình điều tra Q khai số tiền này là tiền thanh toán viện phí cho con nằm viện; số tiền 4.200.000 đồng thu của T1, T1 khai là tiền đóng học cho con. Ngày 29/5/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Đ xác định số tiền trên không dùng để đánh bạc nên đã trả lại cho Lê Anh T1 4.200.000 đồng và trả cho Trần Đình Q 11.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: 02 bộ bài T1 lơ khơ, mỗi bộ 52 Q các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc sẽ được tịch thu tiêu hủy; số tiền 9.800.000 đồng gồm: tiền thu trên chiếu bạc là 5.600.000 đồng, tiền thu trên bàn thờ nhà T 2.200.000 đồng, tiền thu trong người H 2.000.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc sẽ được tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7]. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H, Đào Văn L, Trần Đình Q, Hoàng Văn L và Lê Anh T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 13 (Mười ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 26 (Hai mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 11 (Mười một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 22 (Hai mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Bị cáo Đào Văn L 11 (Mười một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 22 (Hai mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H, Đào Văn L cho UBND xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Đình Q 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 31/3/2018 đến ngày 06/4/2018, thời gian cải tạo không giam giữ là 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày, tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Lê Anh T1 11 (Mười một) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 31/3/2018 đến ngày 06/4/2018, thời gian cải tạo không giam giữ là 10 (mười) tháng 12 (Mười hai) ngày, tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 31/3/2018 đến ngày 06/4/2018, thời gian cải tạo không giam giữ là 09 (Chín) tháng 12 (Mười hai) ngày, tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Trần Đình Q, Hoàng Văn L và Lê Anh T1 cho UBND xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài T1 lơ khơ, mỗi bộ 52 Q (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày 04/6/2018).

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 9.800.000 đồng (Chín triệu tám trăm nghìn đồng) là số tiền đánh bạc (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày 04/6/2018).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H, Đào Văn L, Trần Đình Q, Hoàng Văn L và Lê Anh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H, Trần Đình Q, Hoàng Văn L và Lê Anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo Đào Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- CA, VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết